

Bản án số: 16/2023/HS-PT

Ngày: 06-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Hà
2. Bà Nguyễn Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hải Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 510/2022/HSPT ngày 14 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thị Kim T và Nguyễn Thanh T1 do có Quyết định kháng nghị, Quyết định kháng nghị bổ sung của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh và có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thị Kim T và Nguyễn Thanh T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 73/2022/HS-ST ngày 01/11/2022 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo bị kháng nghị và có kháng cáo:

1. Nguyễn Hữu H; Sinh năm: 1985 tại: tỉnh An Giang; Thường trú: Tổ D, khóm A, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang; Tạm trú: 35 đường P, khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo C; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hữu H1 (chết) và bà: Nguyễn Thị M; Có vợ: Là Nguyễn Thị Kim T (không đăng ký kết hôn) và con: Có 01 người con, sinh năm 2014; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giam ngày 03/01/2022 (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. Nguyễn Thị Kim T; Sinh năm 1981; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 993/11 đường L, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ văn hóa: 3/12 (bị cáo khai biết đọc, biết viết); Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn H2 (chết) và bà: Nguyễn Thị Q; Có chồng: Là Nguyễn Hữu H (không

đăng ký kết hôn) và con: Có 02 người con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Thanh T1; Sinh ngày: 26/10/1984; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 993/11 đường L, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Phụ hồ; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn H2 (chết) và bà: Nguyễn Thị Q; Có vợ: Là bà Nguyễn Thị Kim A và con: Có 01 người con, sinh ngày 05/12/2021; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 19/02/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" (theo Bản án số: 09/2009/HSST). Bị cáo kháng cáo và ngày 27/4/2009, Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm (theo Bản án số: 59/2009/HSPT). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/6/2012 và đã thi hành xong án phí ngày 30/6/2009 (theo Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 435/GCN-CHXHPT của Trại giam T3 và Công văn trả lời xác minh số: 550/CCTHADS ngày 20/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An).

Bị cáo tại ngoại (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa :*

1. Ông Huỳnh Tấn Đ, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Kim T (có mặt tại phiên tòa).

2. Bà Trần Đồng Minh Ngọc Kim K, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T1 (có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:*

Ông Lư Tuấn A1; Sinh ngày: 06/7/2001; Trú tại: 9 đường L, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 01/01/2022, Nguyễn Hữu H điều khiển xe gắn máy hiệu Suzuki biển số 59K1-379.14 chở Nguyễn Thị Kim T (H và T sống chung như vợ chồng) chạy ngang qua quán cà phê, địa chỉ I đường L, Phường H, Quận F thì nhìn thấy ông Lư Tuấn A1 đang ngồi uống nước bên hông quán, bên cạnh có để 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Dream II, biển số 53P9-6250 nên H dừng lại để T đến gặp ông A1 đòi số tiền 7.000.000 đồng mà T cho ông A1 mượn trước đó. Khi ông A1 nói không có tiền thì T liền đi đến dùng tay phải giật chùm chìa khóa (trong đó có chìa khóa xe máy biển số 53P9-6250) của ông A1 đang để trên

bàn, đồng thời dùng tay trái giật chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X trên tay ông A1, nhưng do ông An g lại nên T không lấy được chiếc điện thoại.

Cùng lúc đó, Nguyễn Thanh T1 (là em ruột của T) chạy ngang qua nhìn thấy sự việc nên dừng xe lại rồi chạy đến dùng tay trái nắm ngực áo của ông A1, tay phải đâm 01 cái trướng vào vùng mặt bên phải của ông A1 nên ông A1 bỏ chạy vào quán cà phê thì H và T1 đuổi theo nắm cổ áo đẩy ông A1 vào sát tường. Tại đây T dùng tay giật chiếc điện thoại trên tay ông A1 nhưng không giật được nên H chụp lấy 01 cái ly thủy tinh đang để trên bàn giơ lên định đánh ông A1 thì bị ông Nguyễn Thanh T2 (là chủ quán cà phê) ngăn lại và yêu cầu tất cả đi khỏi quán. Lúc H nắm cổ áo ông A1 lôi ra khỏi quán thì ông T2 chạy theo giằng lại chiếc ly thủy tinh trên tay của H và khi tất cả đi ra ngoài, H kéo ông A1 ngồi xuống bậc tam cấp ở cửa bên hông nhà I đường L, rồi luồn tay vào trong áo giữ ông A1 lại, còn T đứng kế bên tiếp tục giật chiếc điện thoại trên tay ông A1, nhưng vẫn không lấy được, T1 đứng bên cạnh thấy vậy liền dùng tay đâm vào mặt ông A1 thì ông A1 chống cự và đứng dậy liền bị H dùng tay trái siết cổ quật ngã xuống đường. Khi H vẫn đang nắm áo ông A1 thì T1 đi lại dùng tay phải tát 01 cái vào đầu ông A1 và tiếp sau đó T1 nhặt 01 cục gạch ống màu đỏ ném về phía ông A1 (T1 cách ông A1 khoảng 7m) nhưng không trúng.

Về phía ông A1 do bị đánh, bị khống chế liên tục nên ông A1 đã giao chiếc xe gắn máy biển số 53P9-6250 cho T, H, đồng thời xin để lại cho ông chiếc điện thoại thì T đồng ý và lấy chiếc xe của ông A1 đem về nhà cất giữ. Ngay sau đó, H tiếp tục hỏi ông A1 có tiền không thì khi ông A1 vừa lấy chiếc ví từ trong túi quần ra (bên trong có 220.000 đồng, 05 USD, 01 thẻ ngân hàng), ngay lập tức Hoàng giật lấy ví và cùng T1 bỏ đi.

Qua truy xét, ngày 03/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Q1 đã bắt giữ Nguyễn Hữu H và H khai nhận nội dung như đã nêu trên. Đối với Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thanh T1, bị hại Lư Tuấn A1 và người làm chứng cũng khai cũng tương tự.

Theo Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 02/01/2022 của Công an Q1, ông Lư Tuấn A1 bị trầy xước sọng mũi, khuỷu tay phải có nhiều vết trầy xước và bầm.

Cơ quan điều tra tiến hành cho ông Lư Tuấn A1 nhận dạng người qua hình ảnh và ông A1 xác định Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thanh T1 chính là người đã đánh và lấy xe gắn máy, ví tiền của ông vào tối ngày 01/01/2022.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 31/KL-HĐĐGTS ngày 08 tháng 4 năm 2022 và số: 47/KL-HĐĐGTS ngày 03 tháng 6 năm 2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Quận F đã kết luận trị giá của các tài sản bị chiếm đoạt tại thời điểm ngày 01/01/2022 như sau:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Dream màu nâu, số loại C100, dung tích xi lanh 97ml, số khung 0284130-C100M, số máy 0284130-C100ME (còn khoảng 40% giá trị sử dụng), có giá là: 10.000.000 đồng.

- 02 tờ tiền mệnh giá 02 USD, có giá là: 92.000 đồng.

- 01 tờ tiền mệnh giá 01 USD, có giá là: 23.000 đồng.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng 256Gb (còn khoảng 50% giá trị sử dụng), có giá là: 6.000.000 đồng.

Còn 01 chiếc ví màu đen có in chữ P (bị hại khai mua ở chợ vào tháng 02/2021 với giá 200.000 đồng, hiện còn khoảng 60% giá trị sử dụng), do không cung cấp đầy đủ thông tin, nên Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Quận F từ chối định giá.

Theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 73/2021/HS-ST ngày 01/11/2022 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thanh T1 phạm tội “Cướp tài sản”.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 58; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu H** 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2022.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 58; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Kim T** 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T1** 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm, ngày 15/11/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKS-Q6 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thanh T1 phạm tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, không xét xử các bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 168 vì không bảo đảm về mặt chứng cứ. Đến ngày 09/11/2022 bị cáo Nguyễn Thị Kim T và bị cáo Nguyễn Thanh T1 cùng có đơn kháng cáo xin áp dụng khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo; ngày 11/11/2022, bị cáo Nguyễn Hữu H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đến ngày 30/12/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 có Quyết định bổ sung kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-VKS-Q6, theo đó đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giảm nhẹ hình phạt cho cả 03 bị cáo Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thanh T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKS-Q6 ngày

15/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản án sơ thẩm đã thể hiện, đồng thời giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử các bị cáo về tội “Cướp tài sản”, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho bị cáo T, bị cáo T1 được hưởng án treo.

- Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định Tòa án nhân dân Quận 6 đã xét xử các bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội.

Về mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo, nhận thấy Tòa án đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và xử phạt bị cáo H ở mức khởi điểm của khung hình phạt, còn đối với bị cáo T1 và bị cáo T, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo T1, bị cáo T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút Quyết định kháng nghị bổ sung số 05/QĐ-VKS-Q6 ngày 30/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

- Trợ giúp viên K trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T1: Về tình tiết định khung: Trợ giúp viên K cho rằng hung khí nguy hiểm mà Tòa án cấp sơ thẩm xác định là ly thủy tinh và cục gạch ống thì cơ quan tố tụng không thu giữ được, cơ quan có thẩm quyền chưa giám định để xác định được độ dày, mỏng của hung khí, chưa xác định ly thủy tinh và gạch ống có phải là hung khí nguy hiểm hay không. Do đó, chưa đủ căn cứ để xét xử các bị cáo theo tình tiết định khung theo điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị cáo T1 vì bức xúc mới ném cục gạch về phía bị hại Lư Tuấn A1 nhưng lúc này bị hại A1 đã đồng ý đưa xe máy cho bị cáo T và bị cáo T cũng đồng ý đề nghị này của bị hại A1, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo T1 phạm tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo T1 đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, được bị hại bãi nại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội do thiếu hiểu biết về pháp luật, hiện nay bản thân bị cáo T1 bị bệnh HIV rất nặng. Do đó, mức án 06 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là quá nặng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trợ giúp viên Huỳnh Tấn Đ trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Kim T: đồng ý với quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên Kim K về việc xét xử các bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong vụ án này, các bị cáo thuộc hộ nghèo, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật hạn chế nên chỉ vì mục

đích đòi lại tiền đã cho vay mà các bị cáo vi phạm pháp luật, các bị cáo đã đòi nợ của bị hại A1 từ 10 tháng trước khi xảy ra hành vi mà không được nên khi gặp bị hại A1 tại quán cà phê các bị cáo đã đi vào đòi nợ, nhưng cũng không đòi được nợ nên bị kích động về tinh thần và đã dùng ly thủy tinh, gạch ống ném bị hại để đe dọa nhằm lấy tài sản; bản thân bị cáo T, bị cáo H có 01 con chung còn nhỏ, đang đi học lớp 3, bản thân các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Từ đó, Trợ giúp viên Đ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ theo điểm e, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và áp dụng Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo T hưởng án treo để có điều kiện chăm lo cho con nhỏ.

- Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng khi đến đòi nợ của bị hại Lư Tuấn A1 không được, các bị cáo không những đã có hành vi dùng tay không ché, đánh bị hại A1 để lấy được tài sản mà còn dùng ly thủy tinh, gạch ống đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để uy hiếp tinh thần của bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản, do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Về phía các Trợ giúp viên vẫn giữ nguyên quan điểm bào chữa cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 01/01/2022, Nguyễn Hữu H điều khiển xe gắn máy chở Nguyễn Thị Kim T (H và T sống như vợ chồng) chạy ngang qua quán cà phê, địa chỉ I đường L, Phường H, Quận F thì nhìn thấy ông Lư Tuấn A1 đang ngồi uống nước bên hông quán nên H dừng lại để T đến gặp ông A1 đòi số tiền nợ 7.000.000 đồng mà T cho ông A1 mượn trước đó. Khi ông A1 nói không có tiền thì T liền đi đến dùng tay phải giật chùm chìa khóa (trong đó có chìa khóa xe máy biển số 53P9-6250) của ông A1 đang để trên bàn, đồng thời dùng tay trái giật chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X trên tay ông A1, nhưng do ông An g lại nên T không lấy được chiếc điện thoại.

Cùng lúc đó, Nguyễn Thanh T1 (là em ruột của T) chạy ngang qua nhìn thấy sự việc nên dừng xe lại. Khi gặp ông A1, dùng tay trái nắm ngực áo của ông A1, tay phải đâm 01 cái trướng vào vùng mặt bên phải của ông A1 nên ông A1 bỏ chạy vào quán cà phê thì H và T1 đuổi theo nắm cổ áo đẩy ông A1 vào sát tường. Tại đây T dùng tay giật chiếc điện thoại trên tay ông A1 nhưng không giật được nên H chụp lấy 01 cái ly thủy tinh đang để trên bàn giơ lên định đánh ông A1 thì bị ông Nguyễn Thanh T2 (là chủ quán cà phê) ngăn lại và yêu cầu tất cả đi khỏi quán. Lúc H nắm cổ áo ông A1 lôi ra khỏi quán thì ông T2 chạy theo giằng lại chiếc ly thủy tinh trên tay của H và khi tất cả đi ra ngoài, H kéo ông A1 ngồi xuống bậc tam cấp ở cửa bên hông nhà I đường L, rồi luồn tay vào trong áo giữ ông A1 lại, còn T đứng kế bên tiếp tục giật chiếc điện thoại trên tay ông A1, nhưng vẫn không lấy được chiếc điện thoại, T1 đứng bên cạnh thấy vậy liền dùng tay

đâm vào mặt ông A1 thì ông A1 chống cự và đứng dậy liền bị H dùng tay trái siết cổ quật ngã xuống đường. Khi H vẫn đang nắm áo ông A1 thì T1 đi lại dùng tay phải tát 01 cái vào đầu ông A1 và tiếp sau đó T1 nhặt 01 cục gạch ống màu đỏ ném về phía ông A1 (T1 cách ông A1 khoảng 7m) nhưng không trúng.

Về phía ông A1 do bị đánh, bị khống chế liên tục nên ông A1 đã giao chiếc xe gắn máy biển số 53P9-6250 cho T, H, đồng thời xin để lại cho ông chiếc điện thoại thì T đồng ý và lấy chiếc xe của ông A1 đem về nhà cất giữ. Ngay sau đó, H tiếp tục hỏi ông A1 có tiền không thì khi ông A1 vừa lấy chiếc ví từ trong túi quần ra (bên trong có 220.000 đồng, 05 USD, 01 thẻ ngân hàng), ngay lập tức Hoàng giật lấy ví và cùng T1 bỏ đi.

Theo kết quả định giá thì tài sản bị chiếm đoạt có tổng trị giá là 16.325.000 đồng (trong đó có 01 điện thoại di động trị giá 6.000.000 đồng).

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên các bị cáo Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thanh T1 phạm tội “Cướp tài sản” theo Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Ngày 01/11/2022, Tòa án xét xử sơ thẩm, đến ngày ngày 15/11/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKS-Q6; ngày 09/11/2022 và ngày 11/11/2022, các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Hữu H có đơn kháng cáo và ngày 30/12/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 có Quyết định bổ sung kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-VKS-Q6. Xét thấy các quyết định kháng nghị và các đơn kháng cáo làm trong hạn luật định nên hợp lệ để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng nghị và kháng cáo:

3.1 Đối với khung hình phạt xét xử các bị cáo:

Các bị cáo ngoài việc dùng tay đánh, khống chế bị hại Lư Tuấn A1 thì bị cáo H còn có hành vi một tay nắm cổ áo ông A1 đẩy sát vào tường, một tay cầm ly thủy tinh (loại ly có quai dùng để uống bia) giơ lên đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để uy hiếp tinh thần ông A1 nhằm chiếm đoạt tài sản. Khi ông T2 yêu cầu tất cả đi ra ngoài, H vẫn một tay cầm ly thủy tinh, một tay nắm cổ áo ông A1 lôi ra khỏi quán nhưng ông T2 phải chạy theo giằng lại chiếc ly trên tay H. Sau khi ra khỏi quán cả phe thì T1 (lúc này đứng bên hông nhà cách ông A1 khoảng 7m) nhặt 01 cục gạch ống màu đỏ (loại gạch 04 lỗ dùng trong xây dựng) ném về phía ông A1, nhưng không trúng. Về phía ông A1 do bị đánh, bị khống chế liên tục nên ông A1 đã giao chiếc xe gắn máy biển số 53P9-6250 cho T, H và đồng thời xin để lại cho ông chiếc điện thoại thì T đồng ý lấy chiếc xe máy, ngay sau đó Hoàng giật lấy chiếc ví của ông A1 trong đó có 220.000 đồng, 05 USD, 01 thẻ ngân hàng.

Như vậy, ngoài hành vi dùng tay tấn công ông A1, các bị cáo còn dùng ly thủy tinh, gạch ống đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc uy hiếp tinh thần ông A1 nhằm chiếm đoạt tài sản của ông A1 nên đã đủ cơ sở xác định các bị cáo phạm tội

“Cướp tài sản” thuộc trường hợp “*Sử dụng phương tiện nguy hiểm*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là pháp luật, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về việc xét xử các bị cáo theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã rút toàn bộ nội dung kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKS-Q6 ngày 15/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử các bị cáo H, T1 và T theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên căn cứ vào khoản 3 Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị này.

3.2 Đối với nội dung đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo:

Trong vụ án này các bị cáo đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm đe dọa bị hại để cướp tài sản nên các bị cáo đã phạm tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, nên cần phải có mức án nghiêm đối với các bị cáo, nhưng khi quyết định hình phạt cũng xem xét đến mức độ thực hiện hành vi, vai trò, hậu quả, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo.

- Về vai trò: Các bị cáo T, H và T1 đồng phạm về tội “Cướp tài sản” nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Mặc dù bị cáo T là người khởi xướng và là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản nhưng bị cáo H là người dùng ly thủy tinh để uy hiếp đối với bị hại A1 trước và trực tiếp chiếm đoạt tài sản trong ví của bị hại, còn bị cáo T1 là người dùng gạch ống uy hiếp bị hại sau. Do vậy bị cáo H có vai trò cao nhất, kế tiếp là bị cáo T1 và sau cùng là bị cáo T.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bị hại và được bị hại bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo; các bị cáo H, T có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, bị cáo T1 hiện đang bị bệnh nặng (kháng thể kháng HIV dương tính - mã nhóm B20), đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Và các tình tiết này thì Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng và xử phạt bị cáo H 07 năm tù, xử phạt bị cáo T1 06 năm tù và bị cáo T 04 năm tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không xuất trình thêm tài liệu, tình tiết nào mới để xem xét cho yêu cầu kháng cáo của các bị cáo. Với hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo H, T1 và T, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo H mức án ở mức khởi điểm của khung hình phạt, còn các bị cáo T1, bị cáo T được xét xử với mức thấp nhất của khung hình phạt là tương xứng và phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã rút toàn bộ nội dung kháng nghị theo Quyết định kháng nghị bổ sung số 05/QĐ-VKS-Q6 ngày 30/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân

Quận 6 về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên căn cứ vào khoản 3 Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị bổ sung này.

Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và không chấp nhận lời trình bày của các Trợ giúp viên pháp lý tại phiên tòa.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 342; Điều 345; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKS-Q6 ngày 15/11/2022 và Quyết định bổ sung kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-VKS-Q6 ngày 30/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thanh T1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu H** 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2022.

3. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 58; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Kim T** 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

4. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 58; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T1** 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

5. Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án;

Án phí hình sự phúc thẩm: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 6; (1)
- P.PC 53- CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (3)
- Trại giam; (3)
- Bị hại; (1)
- Người bào chữa; (2)
- THA Quận 6; (2)
- TAND Quận 6; (2)
- Công an Quận 6; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (30) (5)

Ngô Ngọc Thắng